

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7044 /UBND-TH
V/v báo cáo tình hình thực
hiện, tổng hợp kết quả thực
hiện kiến nghị Kiểm toán
Nhà nước đối với nguồn vốn
đầu tư công nguồn NSNN

Bình Định, ngày 22 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 11134/BTC-ĐT ngày 28/10/2022 của Bộ Tài chính về việc đơn đốc báo cáo tình hình thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị Kiểm toán Nhà nước đối với nguồn vốn đầu tư công nguồn NSNN; trên cơ sở tổng hợp các đơn vị trực thuộc, UBND tỉnh Bình Định báo cáo tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2021 và năm 2020 trở về trước, cụ thể như sau:

- Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021: Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với vốn đầu tư công nguồn NSNN là: 33.374.583.000 đồng, địa phương đã thực hiện: 7.297.131.000 đồng, còn lại đang thực hiện: 26.077.452.000 đồng (*Chi tiết theo biểu số 01 đính kèm*).

- Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2020 trở về trước: về cơ bản, địa phương đã thực hiện xong các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với vốn đầu tư công nguồn NSNN, chỉ còn lại 01 dự án chưa thực hiện với số tiền kiến nghị là: 2.632.469.000 đồng, địa phương đã thực hiện: 296.376.000 đồng, còn lại đang thực hiện: 2.336.093.000 đồng, (*Chi tiết theo biểu số 02 đính kèm*).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Đầu tư (BTC);
- CT, PCT Ng. Tự Công Hoàng;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ VÀ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSNN NĂM 2021

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đúng chế độ											Tổng số đã xử lý												
			Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giám cấp phát do chi sai chế độ					4/Chuyển QT năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán và hủy dự toán (xử lý khác)	Ghi chú	Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giám cấp phát do chi sai chế độ					4/Chuyển QT năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán khác và hủy dự toán (xử lý khác)	Ghi chú
						Tổng	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	Xử lý tài chính khác								Tổng	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	Xử lý tài chính khác				
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27			
1	Kiểm toán tại đơn vị (có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2021):		33.374.583.000			33.374.583.000	876.467.000	5.728.539.000	25.806.064.000	963.513.000					7.297.131.000	0	0	7.297.131.000	643.796.000	966.737.000	4.761.547.000	925.051.000				
1	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	386/TB-KQKT ngày 07/09/2022	1.994.396.000	0	0	1.994.396.000	643.796.000	339.374.000	1.011.226.000		0	0	0	0	1.994.396.000	0	0	1.994.396.000	643.796.000	339.374.000	1.011.226.000		0	0	0	0
	Dự án Khắc phục lũ lụt sạt lở Kê chống sạt lở bờ sông La Tinh		87.337.000			87.337.000	87.337.000							87.337.000			87.337.000	87.337.000								
	Dự án Xây dựng cấp bách kê chống sạt lở đê Đê Gi kết hợp giao thông, đoạn từ cầu Ngòi đến cang Đê Gi, huyện Phú Cát		6.449.000			6.449.000		6.449.000						6.449.000			6.449.000	6.449.000								
	Dự án Khắc phục cấp bách tuyến đường từ xã An Hào Tây, huyện Hoài An đi xã An Hòa huyện An Lão, kết hợp sử dụng làm đường tránh ngập phía Tây đường ĐT.629 trong mùa mưa lũ		112.938.000			112.938.000	112.938.000							112.938.000			112.938.000	112.938.000								
	Công trình: Đập dâng Lao Tâm, xã Cát Thăng, huyện Phú Cát		443.521.000			443.521.000	443.521.000							443.521.000			443.521.000	443.521.000								
	Dự án Kê chống sạt lở kết hợp bến cập tàu Cảng cá Tam Quan - Giai đoạn I		84.140.642			84.140.642		84.140.642						84.140.642			84.140.642	84.140.642								
	Xây dựng kê, nạo vét lòng sông đoạn trước kê và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Văn, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước		174.220.523			174.220.523		174.220.523						174.220.523			174.220.523	174.220.523								
	Dự án Xây dựng cấp bách kê chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn		74.563.836			74.563.836		74.563.836						74.563.836			74.563.836	74.563.836								
	Xây dựng kê, nạo vét lòng sông đoạn trước kê và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Văn, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước		659.275.000			659.275.000		659.275.000						659.275.000			659.275.000	659.275.000								
	Dự án Xây dựng cấp bách kê chống sạt lở đê Đê Gi kết hợp giao thông, đoạn từ cầu Ngòi đến cang Đê Gi, huyện Phú Cát		351.951.000			351.951.000		351.951.000						351.951.000			351.951.000	351.951.000								
2	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Định	378/TB-KQKT ngày 07/09/2022	16.936.059.000			16.936.059.000		1.910.346.000	15.025.713.000					2.563.836.000	0	0	2.563.836.000	0	5.332.000	2.558.504.000	0					
	Dự án Đường ven biển (ĐT 639), đoạn Cát Tiến đến Đê Gi		1.636.384.000			1.636.384.000		1.636.384.000																		
	Dự án Mở rộng đường vào sân bay Phú Cát (đoạn từ QL 1 đến công sân bay Phú Cát)		2.052.991.000			2.052.991.000		268.630.000	1.784.361.000,0																	
	Dự án Đường ven biển (ĐT 639), đoạn Cát Tiến đến Đê Gi		10.682.848.000			10.682.848.000			10.682.848.000																	
	Dự án Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km 137+580 - Km 143+787		2.447.939.000			2.447.939.000		5.332.000	2.442.607.000					2.447.939.000			2.447.939.000		5.332.000	2.442.607.000						
	Dự án Xây dựng cầu vào trụ sở mới Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bố Bình Định		115.897.000			115.897.000			115.897.000					115.897.000			115.897.000	115.897.000								
3	Ban QLDA ĐTXD và PTQD thành phố Quy Nhơn	398/TB-KV-III - 07/09/2022	839.814.000			839.814.000	132.002.000	287.764.000	420.048.000																	
	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6 phường Nhơn Bình (giai đoạn 2)		236.177.000			236.177.000		40.777.000	195.400.000																	
	Dự án Khu dân cư khu vực núi Mỏ Côi phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn		184.437.000			184.437.000		586.000	183.851.000																	
	Dự án Khu dân cư phía Bắc khu tái định cư tiểu dự án vệ sinh môi trường (phần mở rộng)		82.601.000			82.601.000		41.804.000	40.797.000																	
	Dự án Di dời, ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường An Dương Vương		204.597.000			204.597.000		204.597.000																		
	Dự án Khu dân cư phía Đông Viên Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, phường Nhơn Phú		132.002.000			132.002.000	132.002.000																			
4	Ban QLDA ĐTXD và PTQD thị xã An Nhơn	387/TB-KQKT ngày 07/09/2022	4.560.210.000			4.560.210.000	0	1.271.062.000	2.325.635.000	963.513.000				1.293.209.000			1.293.209.000	0	357.086.000	11.072.000	925.051.000					
	Dự án Nâng cấp mở rộng mặt đường ĐT. 631 (đoạn từ ngã 3 Bầu Sáo, phường Nhơn Hưng đến chợ Quán Mới, xã Nhơn Hạnh)		619.537.702			619.537.702		302.811.854	316.725.848					0			0									
	Dự án Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, phường Đáp Đá.		1.576.881.100			1.576.881.100		153.727.630	1.384.690.981	38.462.489				0			0									
	Dự án Nâng cấp tuyến đường đê bao, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (giai đoạn 2):		161.185.047			161.185.047		69.573.627	91.611.420					0			0									
	Dự án Khu dân cư số 2 phía đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định		1.517.171.000			1.517.171.000		357.086.000	235.034.000	925.051.000				1.293.209.000			1.293.209.000	357.086.000	11.072.000	925.051.000						
	Dự án Cầu Thiết Trắng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn		253.301.000			253.301.000		250.579.000	2.722.000					0			0									

STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đúng chế độ											Tổng số đã xử lý												
			Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chi sai chế độ					4/Chuyển năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán và hủy dự toán (xử lý khác)	Ghi chú	Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chi sai chế độ					4/Chuyển năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán khác và hủy dự toán (xử lý khác)	Ghi chú
						Tổng	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	Xử lý tài chính khác								Tổng	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	Xử lý tài chính khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	Dự án Nâng cấp, mở rộng mặt đường ĐT.636 (đoạn từ đường sắt phường Bình Định đến ngã tư giao nhau đường Tây tình)		274.371.000			274.371.000		117.440.000	156.931.000						0			0								
	Dự án kê đoạn từ cầu Trường Thi đến đập Thạch Hòa, thị xã An Nhơn		157.763.482			157.763.482		19.843.600	137.919.882						0			0								
5	Ban QLDA ĐTXD và PTQD huyện Tây Sơn	389/TB-KV III - 07/09/2022	885.163.000			885.163.000		675.571.000	209.592.000						75.775.000			75.775.000		75.775.000	0					
	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư sinh thái Bầu Lân		75.774.680			75.774.680		75.774.680							75.774.680			75.774.680		75.774.680						
	Dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn		113.808.647			113.808.647		7.565.534	106.243.114																	
	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị phía nam QL.19		582.857.415			582.857.415		582.857.415																		
	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Soi Khánh, Soi Cát		112.722.606			112.722.606		9.373.411	103.349.195																	
6	Ban QLDA ĐTXD và PTQD huyện Phù Cát	385/TB-KV III - 07/09/2022	2.510.980.000			2.510.980.000	0	267.744.000	2.243.236.000						1.369.915.000			1.369.915.000	0	189.170.000	1.180.745.000					
	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT.633 (Quốc lộ 1) đến ĐT.634		430.661.000			430.661.000		3.684.000	426.977.000						430.661.000			430.661.000		3.684.000	426.977.000					
	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 đến giáp đường tỉnh lộ ĐT.638 (đoạn từ đường Quang Trung đến giáp đường ĐT.638), huyện Phù Cát		206.120.000			206.120.000		6.614.000	199.506.000						206.120.000			206.120.000		6.614.000	199.506.000					
	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên huyện (Đoạn từ Quốc lộ 19B đến giáp đường trục khu kinh tế nổi dãi)		379.277.000			379.277.000		26.176.000	353.101.000						379.277.000			379.277.000		26.176.000	353.101.000					
	Dự án Cầu Róc Hời		308.759.000			308.759.000		126.802.000	181.957.000						308.759.000			308.759.000		126.802.000	181.957.000					
	Dự án Chính trang đồng suối Thỏ kết hợp đường giao thông		1.186.163.000			1.186.163.000		104.468.000	1.081.695.000						45.098.000			45.098.000		25.894.000	19.204.000					
7	Ban QLDA ĐTXD và PTQD thị xã Hoài Nhơn	388/TB-KQKT ngày 07/09/2022	3.890.016.000			3.890.016.000	60.216.000	847.620.000	2.982.180.000	0																
	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến Tài Lương - Cù Công và tuyến Bình Chương - Hồi Mỹ), huyện Hoài Nhơn		291.587.576			291.587.576		291.587.576																		
	Dự án Di tích lịch sử địa điểm lưu niệm cuộc biểu tình năm 1931 tại Cây số 7 Tài Lương		189.947.297			189.947.297		99.320.940	90.626.357																	
	Dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hoài Nhơn		944.726.000			944.726.000		59.872.000	884.854.000																	
	Dự án Kê cấp bách sạt lở, bảo vệ khu dân cư trên sông Lai Giang, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định-Giai đoạn 1		214.199.491			214.199.491	60.216.219	33.008.000	120.975.272																	
	Dự án Quảng trường huyện Hoài Nhơn		344.120.000			344.120.000		344.120.000																		
	Dự án Mở rộng tuyến đường ĐH 09B Phụng Du - Túy Sơn		1.905.436.733			1.905.436.733		19.711.871	1.885.724.862																	
8	Ban QLDA ĐTXD và PTQD huyện An Lão	402/TB-KV III - 07/11/2022	1.757.945.000			1.757.945.000	40.453.000	129.058.000	1.588.434.000																	
	Dự án Khu tái định cư dân ra khỏi vùng thiên tai Gò Núi Mọt, xã An Tân, huyện An Lão		427.826.000			427.826.000		27.594.000	400.232.000																	
	Dự án Khu thương mại, dịch vụ và dân cư Đồng Bầu xã An Hòa, huyện An Lão		1.264.925.000			1.264.925.000	31.022.000	86.096.000	1.147.807.000																	
	Dự án Khu thương mại, dịch vụ và dân cư Đồng Bầu xã An Hòa, huyện An Lão (Đợt 1 của giai đoạn II)		21.392.000			21.392.000		15.368.000	6.024.000																	
	Dự án Đập dâng Tả Loan (Giai đoạn 1: Đập và đoạn kênh dẫn phía Tả)		4.064.000			4.064.000	4.064.000																			
	Dự án Nâng cấp cải tạo hệ thống nước sinh hoạt huyện An Lão (Giai đoạn 02)		39.738.000			39.738.000	5.367.000		34.371.000																	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ VÀ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSNN TỪ NĂM 2020 TRỞ VỀ TRƯỚC

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đúng chế độ										Tổng số đã xử lý									
			Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giám cấp phát do chi sai chế độ			4/Chuyển QT năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán và hủy dự toán (xử lý khác)	Ghi chú	Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giám cấp phát do chi sai chế độ			4/Chuyển QT năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán khác và hủy dự toán (xử lý khác)	Ghi chú
						Tổng	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán								Tổng	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
TỔNG SỐ																						
A	NĂM 2018																					
I	Kiểm toán tại đơn vị (có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2020):		2.632.469.000	0	0	2.632.469.000	2.632.469.000	0	0	0	0	0	296.376.000	0	0	296.376.000	296.376.000	0	0	0	0	0
	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	290/KTNN-TH ngày 19/7/2019	2.632.469.000			2.632.469.000	2.632.469.000						296.376.000			296.376.000	296.376.000					
1	Dự án Hoàn thiện cơ sở hạ tầng đường lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định		2.632.469.000			2.632.469.000	2.632.469.000						296.376.000			296.376.000	296.376.000					